

PHỤ LỤC CÁC NGÀNH XÉT TUYỂN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

(Kèm theo Thông báo số 2461/TB-ĐHĐN ngày 19 tháng 6 năm 2023 của ĐHĐN)

TT	Mã trường	Tên ngành/ chuyên ngành	Mã ĐKXT	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp xét tuyển	Mã tổ hợp xét tuyển	Tiêu chí phụ đối với các thí sinh bằng điểm	Điểm giữa các tổ hợp	Ngưỡng ĐBCL đầu vào
1	DDS	Giáo dục Mầm non (*)	7140201	62	1. Năng khiếu 1 (Kể chuyện, đọc diễn cảm) + Năng khiếu 2 (Hát, Nhạc) + Toán 2. Năng khiếu 1 (Kể chuyện, đọc diễn cảm) + Năng khiếu 2 (Hát, Nhạc) + Ngữ văn	1.M09 2.M01	Ưu tiên môn Năng khiếu 1	Bằng nhau	Học sinh tốt nghiệp THPT có học lực lớp 12 xếp loại giỏi và Năng khiếu 1,2 ≥ 5 và có tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 18,00$
2	DDS	Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học	7140250	15	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Ngữ văn + Lịch sử + Địa lý 3. Toán + Ngữ văn + Tiếng Anh 4. Toán + Hóa học + Sinh học	1.A00 2.C00 3.D01 4. B00	Không	Bằng nhau	Học sinh tốt nghiệp THPT có học lực lớp 12 xếp loại giỏi
3	DDS	Vật lý kỹ thuật	7520401	3	1. Vật lý + Toán + Hóa học 2. Vật lý + Toán + Tiếng Anh 3. Vật lý + Toán + Sinh học	1.A00 2.A01 3.A02	Ưu tiên môn Vật lý	Bằng nhau	Tổng điểm xét tuyển $\geq 15,00$

Ghi chú:

- Ngành có dấu (*): Chỉ tuyển sinh đối với thí sinh đã có kết quả thi năng khiếu do Trường Đại học Sư phạm, ĐHĐN tổ chức thi năm 2023;
- Điểm xét tuyển (ĐXT) = Tổng điểm các môn trong tổ hợp + Điểm ưu tiên;
- Điểm môn ngoại ngữ (Tiếng Anh) sử dụng trong xét tuyển là điểm ngoại ngữ chính (Ngoại ngữ 1);
- Trường hợp tổng số thí sinh trúng tuyển của một ngành < 15 , các thí sinh sẽ được đăng ký chuyển sang ngành đào tạo khác cùng tổ hợp, cùng phương thức xét tuyển và có điểm xét tuyển lớn hơn hoặc bằng điểm trúng tuyển của ngành sẽ chuyển sang.